

1. BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
2. TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
(Theo hệ thống tín chỉ, áp dụng từ khóa 59)

MÃ NGÀNH: 7340101
TÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH
TÊN CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

HẢI PHÒNG - 2018

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
(Theo hệ thống tín chỉ, áp dụng từ khóa 59)

Mã ngành: 7340101D404 Tên ngành: **Quản trị kinh doanh**

Tên chuyên ngành: **Quản trị Tài chính Kế toán**

Trình độ: **Đại học chính quy**

Thời gian đào tạo: **4 năm**

1. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo cử nhân ngành Quản trị Tài chính Kế toán một cách toàn diện trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế về giáo dục đại học, đó là sự kết hợp giữa các mặt: kiến thức, kỹ năng, năng lực thực hành và phẩm chất đạo đức. Sinh viên ra trường có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có ý thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.

Chương trình trang bị kiến thức, kỹ năng và phẩm chất cần thiết cho nguồn lao động trong lĩnh vực tài chính, kế toán. Đào tạo chuyên sâu các kiến thức về tài chính, quản trị tài chính doanh nghiệp, kế toán, kiểm toán, giúp sinh viên có thể nắm vững quy trình hạch toán kế toán, am hiểu các quy định của Nhà nước về quản lý tài chính doanh nghiệp, các quy định của luật thuế.

Sinh viên ra trường có tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo, có phẩm chất đạo đức tốt, có kỹ năng giao tiếp và làm việc hiệu quả, có khả năng giao tiếp và làm việc bằng tiếng Anh.

2. Chuẩn đầu ra

Mã số	Nội dung	TĐNL
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH	
1.1	Kiến thức cơ bản	
1.1.1	Kiến thức về triết học và tư tưởng Hồ Chí Minh	3.0
1.1.1.1	<i>Có khả năng hiểu và tiếp nhận, phản hồi hệ thống những quan điểm về tự nhiên và về xã hội, làm sáng tỏ nguồn gốc, động lực, những quy luật chung của sự vận động, phát triển của tự nhiên và của xã hội loài người.</i>	3.0
1.1.1.2	<i>Có khả năng hiểu về các phương thức sản xuất, học thuyết kinh tế từ đó hình thành năng lực tư duy lý luận, tư duy độc lập trong phân tích và giải quyết các vấn đề thực tiễn chính trị - xã hội</i>	3.0
1.1.1.3	<i>Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh từ đó góp phần xây dựng nền tảng con người mới.</i>	3.0
1.1.1.4	<i>Có khả năng hiểu biết về các kiến thức cơ bản có hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương về</i>	3.0

Mã số	Nội dung	TĐNL
	<i>mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam từ đó ý thức được trách nhiệm công dân của mình đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng</i>	
1.1.1.5	<i>Có khả năng áp dụng các hiểu biết về lý luận kinh tế, chính trị, xã hội giải thích lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội</i>	3.0
1.1.2	Kiến thức cơ bản về toán học và định lượng trong kinh tế	3.0
1.1.2.1	<i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về toán học tối ưu</i>	3.0
1.1.2.2	<i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về xác suất và quy luật phân bố xác suất</i>	3.0
1.1.3	Kiến thức cơ bản về pháp luật kinh tế	3.0
1.1.3.1	<i>Có hiểu biết cơ bản về hệ thống pháp luật kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	3.0
1.1.3.2	<i>Nắm được địa vị các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế quốc dân</i>	3.0
1.2	Kiến thức ngành và chuyên ngành	
1.2.1	Kiến thức về kinh tế	
1.2.1.1	Kinh tế vi mô <i>Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống về những khái niệm cơ bản về khoa học kinh tế, lý thuyết cung cầu, lý thuyết về hành vi của người tiêu dùng và hành vi của người sản xuất</i> <i>Có hiểu biết cơ bản về các cấu trúc của thị trường, các thất bại thị trường và các biện pháp khắc phục của Chính phủ</i>	2.5
1.2.1.2	Kinh tế vĩ mô <i>Có hiểu biết mang tính hệ thống về những khái niệm, cách tính toán và ý nghĩa của các biến số kinh tế vĩ mô</i> <i>Có hiểu biết cơ bản về những chính sách của chính phủ và tác động của chúng đến nền kinh tế.</i>	2.5
1.2.1.3	Nguyên lý thống kê <i>Có những hiểu biết mang tính hệ thống về các nguyên tắc, nguyên lý thống kê, các bảng biểu thống kê thường gặp trong thực tiễn.</i> <i>Có khả năng áp dụng, xây dựng và cung cấp các phương pháp phân tích đánh giá mặt lượng các hoạt động kinh tế - xã hội của các tổ chức, đơn vị.</i>	3.0
1.2.1.4	Kinh tế lượng <i>Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống những kiến thức cơ bản về kinh tế lượng, các bước tiến hành để đi lượng hóa mối quan hệ giữa các biến kinh tế, hiểu thế nào là phân tích hồi quy.</i> <i>Có hiểu biết cơ bản về hàm hồi quy đơn, hàm hồi quy bội, hàm hồi quy biến giả.</i>	3.0
1.2.2	Kiến thức về quản trị kinh doanh	2.0 - 3.0
1.2.2.1	Giới thiệu ngành <i>Hiểu được một số kiến thức, kỹ năng cơ bản, thái độ, đạo đức nghề nghiệp của ngành quản trị kinh doanh</i>	2.0
1.2.2.2	Quản trị doanh nghiệp <i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về phương pháp quản lý của nhà quản trị và các nghiệp vụ quản trị doanh nghiệp như: hoạch định, nhân sự, chi phí và kết quả, kiểm soát.</i> <i>Có khả năng xác định đúng mức độ quan trọng của các phương pháp quản lý ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh để mang lại thành công cho doanh nghiệp.</i>	2.5

Mã số	Nội dung	TĐNL
1.2.2.3	Marketing căn bản <i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức Marketing, nghiên cứu thị trường, phân tích được hành vi người tiêu dùng, phân đoạn thị trường, các chiến lược Marketing trong doanh nghiệp: chiến lược sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến hỗn hợp. Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức đã học để lập kế hoạch Marketing cho một doanh nghiệp</i>	3.0
1.2.2.4	Quản trị học <i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về bản chất của quản trị, vai trò các nhà quản trị, các chức năng của quản trị bao gồm: hoạch định, tổ chức, điều khiển, kiểm tra. Có khả năng hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề quản trị trong tổ chức.</i>	3.0
1.2.3	Kiến thức về tài chính, kế toán	2.5 – 3.5
1.2.3.1	Tài chính tiền tệ <i>Có khả năng hiểu và vận dụng các lý luận nền tảng về tài chính, tiền tệ trong nền kinh tế thị trường, làm tiền đề để nghiên cứu các môn nghiệp vụ thuộc khối ngành Kinh tế và Tài chính Kế toán, bao gồm các kiến thức chung về thị trường tài chính, tài chính doanh nghiệp, giá trị thời gian của tiền, các định chế tài chính và quá trình cung ứng tiền tệ.</i>	2.5
1.2.3.2	Thuế vụ <i>Có khả năng hiểu và vận dụng kiến thức chung về thuế và nội dung cơ bản của chính sách thuế hiện hành. Học phần giúp sinh viên hiểu và vận dụng được cách tính các loại thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần đề cập tới các nội dung: Đại cương về thuế; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; thuế tiêu thụ đặc biệt; thuế bảo vệ môi trường; thuế giá trị gia tăng; thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế thu nhập cá nhân.</i>	2.5
1.2.3.3	Nguyên lý kế toán <i>Có khả năng hiểu và nắm được các kiến thức cơ bản về kế toán trong doanh nghiệp Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để làm các công việc kế toán đơn giản, các định khoản đơn giản, lập báo cáo tài chính</i>	3.0
1.2.3.4	Thị trường chứng khoán <i>Có khả năng hiểu được tổng quan về thị trường chứng khoán thế giới cũng như của Việt Nam Có khả năng hiểu cách tính cũng như ý nghĩa của các chỉ số: thu nhập một cổ phiếu thường, hệ số P/E, giá trị sổ sách một cổ phiếu thường... Có khả năng hiểu và vận dụng các kiến thức đã học để giao dịch chứng khoán</i>	3.0
1.2.3.5	Nguyên lý bảo hiểm <i>Có khả năng hiểu kiến thức về những vấn đề cơ bản về Bảo hiểm và các quy định trong các hợp đồng bảo hiểm. Từ đó vận dụng trong hoạt động đàm phán, ký kết hợp đồng bảo hiểm dưới góc độ nhà đầu tư cá nhân và tổ chức kinh doanh (doanh nghiệp). Vận dụng nguyên tắc bồi thường, điều kiện bảo hiểm để giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện các hợp đồng bảo hiểm.</i>	3.0
1.2.3.6	Nghiệp vụ ngân hàng	3.0

Mã số	Nội dung	TĐNL
	<i>Có khả năng hiểu và áp dụng kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ ngân hàng thương mại như: cho thuê tài chính, chiết khấu giấy tờ có giá, bảo lãnh ngân hàng, bao thanh toán, tài trợ xuất nhập khẩu và các dịch vụ ngân hàng khác tạo điều kiện cho sinh viên khi tốt nghiệp ra trường dễ dàng tiếp cận với môi trường làm việc tại các ngân hàng, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính.</i>	
1.2.3.7	Kế toán quản trị <i>Có khả năng hiểu được công việc cơ bản của người kế toán quản trị trong doanh nghiệp, nắm rõ cách phân chia các loại chi phí đặc thù của kế toán quản trị: biến phí, định phí, chi phí hỗn hợp, chi phí cơ hội</i> <i>Có khả năng hiểu và biết cách vận dụng các cách tính giá bán theo phương pháp trực tiếp, phương pháp toàn bộ, Lập các báo cáo cơ bản như báo cáo kết quả kinh doanh dạng lãi trên biến phí và từ đó đưa ra các phương án làm tối đa hóa lợi nhuận, Tư vấn cho chủ doanh nghiệp trong việc đưa ra các quyết định ngắn hạn.</i>	3.0
1.2.3.8	Toán tài chính <i>Có khả năng hiểu và sử dụng các công cụ toán học nhằm giải quyết những vấn đề liên quan đến tài chính và ngân hàng nói chung. Xây dựng một cách có hệ thống các công thức, phương trình để xử lý các bài toán liên quan đến tài chính như: tính tiền lãi, định giá các công cụ tài chính, thẩm định dự án đầu tư, đánh giá tình hình tài chính của một công ty, việc thanh toán các khoản nợ thông thường, đặc biệt áp dụng được trên thị trường chứng khoán.</i>	3.0
1.2.3.9	Kế toán doanh nghiệp 1 <i>Có khả năng hiểu được công việc cơ bản của hoạt động kế toán trong doanh nghiệp. Có khả năng hiểu và vận dụng cách lập chứng từ, luân chuyển chứng từ, vào sổ sách kế toán, hạch toán các phần hành kế toán vốn bằng tiền, hàng tồn kho, tài sản cố định, các khoản thanh toán, các khoản đầu tư, doanh thu, chi phí và xác định kết quả.</i>	3.0
1.2.3.10	Kế toán doanh nghiệp 2 <i>Có khả năng hiểu được công việc cụ thể của hoạt động kế toán trong doanh nghiệp. Có khả năng hiểu và vận dụng cách lập chứng từ, luân chuyển chứng từ, vào sổ sách kế toán, hạch toán các phần hành kế toán các khoản thanh toán, các khoản đầu tư, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.</i>	3.0
1.2.3.11	Kế toán ngân hàng <i>Có khả năng hiểu và áp dụng các nghiệp vụ cơ bản của Ngân hàng thương mại. Có khả năng hiểu và áp dụng nghiệp vụ kế toán huy động vốn, kế toán tín dụng, kế toán thanh toán qua ngân hàng, kế toán ngoại tệ, kinh doanh vàng, thanh toán quốc tế, kế toán thu nhập, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.</i>	3.0
1.2.3.12	Kế toán máy <i>Có khả năng hiểu được ưu nhược điểm và nguyên tắc hoạt động của một số phần mềm kế toán máy hiện tại. Có khả năng hiểu và biết cách hạch toán như kế toán viên trên phần mềm kế toán về các phân hệ: mua hàng, bán hàng, kho, quỹ, ngân hàng, tài sản cố định, công cụ dụng cụ, thuế, tổng hợp. Hiểu rõ cách lập và kiểm tra các báo cáo tài chính.</i>	3.0
1.2.3.13	Quản trị tài chính	3.5

Mã số	Nội dung	TĐNL
	<i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức kiến thức cơ bản về Tài chính và quản trị Tài chính doanh nghiệp, những phương pháp luận về công tác quản trị các yếu tố của quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như tài sản, vốn, quản trị luồng tiền vào và ra, quản trị thu, chi, lợi nhuận của doanh nghiệp.</i>	
1.2.3.14	Kiểm toán <i>Có khả năng hiểu và nắm được các kiến thức cơ bản về kiểm toán. Có khả năng nhận dạng các sai sót, đánh giá cơ sở dẫn liệu, lập bút toán điều chỉnh sai sót và lập lại báo cáo tài chính sau kiểm toán.</i>	3.0
1.2.3.15	Kế toán hành chính sự nghiệp <i>Có khả năng hiểu và áp dụng các quy định, thông tư, văn bản hướng dẫn chế độ kế toán HCSN để tra cứu khi cần sử dụng, nắm được đối tượng áp dụng kế toán HCSN. Có khả năng hiểu và áp dụng hệ thống tài khoản, hệ thống sổ sách, chứng từ, báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán của các đơn vị HCSN. Có khả năng làm các bài tập về định khoản, ghi sổ, lập báo cáo với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong các đơn vị HCSN.</i>	3.0
1.2.3.16	Nghiệp vụ thuế <i>Có khả năng hiểu và vận dụng được cách kê khai, nộp các loại thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp: Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; thuế tiêu thụ đặc biệt; thuế giá trị gia tăng; thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế thu nhập cá nhân.</i>	3.0
1.2.3.17	Tài chính quốc tế <i>Học phần “Tài chính quốc tế” nhằm phát triển khả năng của người học về nhận biết, đánh giá, giải thích, phân tích được sự hình thành và biến động tỷ giá, các mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau trong lĩnh vực tài chính và tiền tệ quốc tế diễn ra sôi động hiện nay giữa các quốc gia. Học phần đề cập tới các nội dung: thị trường tài chính quốc tế với trọng tâm là thị trường ngoại hối, cán cân thanh toán quốc tế, chế độ tỷ giá và vai trò của NHTW, các học thuyết xác định tỷ giá (ngang giá sức mua, ngang giá lãi suất), hệ thống tiền tệ quốc tế, khủng hoảng tài chính quốc tế và các vấn đề liên quan đến chu chuyển vốn quốc tế.</i>	3.0
1.2.3.18	Thẩm định và phân tích tín dụng <i>Có khả năng hiểu và vận dụng kiến thức về tổ chức công tác thẩm định tín dụng của ngân hàng thương mại như: thẩm định năng lực pháp lý, năng lực tài chính, thẩm định phương án kinh doanh, tài sản bảo đảm ... là cơ sở đưa ra quyết định cấp tín dụng.</i>	3.0
1.2.3.19	Quản lý tài chính công <i>Có khả năng hiểu những kiến thức cơ bản mang tính lý luận về tài chính công và các hoạt động quản lý tài chính công, quản lý thu – chi của ngân sách Nhà nước, tổ chức cân đối ngân sách Nhà nước đã được tổng hợp, hệ thống và cập nhật qua các chính sách, chế độ, các luận cứ khoa học và thực tiễn mới về quản lý tài chính công, đặc biệt trong bối cảnh ở nước ta hiện nay, quản lý tài chính công là vấn đề lớn, phức tạp, chứa đựng nhiều nội dung đang trong quá trình cải cách.</i>	3.0
1.2.3.20	Thực tập cơ sở ngành <i>Có khả năng tìm hiểu thực tế và viết báo cáo thực tập</i>	2.0
1.2.3.21	Thực tập chuyên ngành	3.0

Mã số	Nội dung	TĐNL
	<i>Tìm hiểu và viết báo cáo về 1 trong các nghiệp vụ kế toán sau của doanh nghiệp: kế toán vốn bằng tiền, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán tập hợp chi phí tính giá thành...</i>	
1.2.3.22	Thực tập tốt nghiệp <i>Tìm hiểu, viết và báo vệ một trong các chuyên đề: Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và tìm hiểu công tác kế toán vốn bằng tiền, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán tập hợp chi phí tính giá thành... tại một doanh nghiệp cụ thể.</i>	3.5
1.2.4	Kiến thức tự chọn	
1.2.4.1	Anh văn cơ bản 1 <i>Học phần Anh văn cơ bản 1 hệ thống lại các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh đơn giản, củng cố từ vựng để phục vụ giao tiếp trong các chủ đề thường ngày, luyện sinh viên khả năng sử dụng các kỹ năng tiếng Anh ở mức độ tối thiểu.</i>	3.0
1.2.4.2	Anh văn cơ bản 2 <i>Học phần Anh văn cơ bản 2 tiếp tục củng cố các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh, từ vựng tiếng Anh tổng quát để phục vụ giao tiếp một cách thỏa đáng về những chủ đề hàng ngày.</i>	3.0
1.2.4.3	Anh văn cơ bản 3 <i>Học phần Anh văn cơ bản 3 củng cố chuyên sâu các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh, từ vựng tiếng Anh tổng quát để phục vụ giao tiếp một cách thỏa đáng về những chủ đề hàng ngày.</i>	3.0
1.2.4.4	Pháp luật KD thương mại <i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về luật thương mại trong hoạt động doanh nghiệp</i>	3.0
1.2.4.5	Phân tích và đầu tư chứng khoán <i>Phân tích chứng khoán là việc dùng các chỉ số, sơ đồ, bảng biểu, các hệ số tài chính để đánh giá hoạt động của TTCK cả về bề rộng cũng như chiều sâu. Việc phân tích chứng khoán cung cấp các thông tin cần thiết cho các nhà đầu tư cũng như các nhà quản lý thị trường, các nhà quản trị doanh nghiệp trong hoạt động của họ trên TTCK</i>	3.0
1.2.4.6	Tin học văn phòng <i>Cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ điều hành Microsoft Windows 7. Hướng dẫn sử dụng bộ công cụ soạn thảo văn bản Word 2010, bảng tính Excel 2010, PowerPoint 2010, khai thác thành thạo mạng Internet. Có hiểu biết cơ bản về các hoạt động kho hàng. Nắm được các nghiệp vụ tại kho hàng</i>	3.0
1.2.4.7	Môi trường và bảo vệ môi trường <i>Hiểu được các kiến thức cơ bản về cấu trúc và chức năng của môi trường, các dạng ô nhiễm, biến đổi khí hậu và phát triển bền vững Có nhận thức đúng đắn về môi trường, tác động của con người lên các thành phần và chức năng của môi trường, từ đó có thái độ ứng xử đúng trong vấn đề bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Nhận diện được các vấn đề môi trường có thể phát sinh trong ngành hàng hải</i>	3.0
1.2.4.8	Quản trị nhân lực <i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức cơ bản và có hệ thống về quản trị nhân lực trong các doanh nghiệp tương ứng với 3 giai đoạn:</i>	3.0

Mã số	Nội dung	TĐNL
	<i>hình thành nguồn nhân lực, duy trì nguồn nhân lực, phát triển nguồn nhân lực. Có khả năng hiểu và áp dụng những kỹ năng về quản trị nguồn nhân lực trong các tổ chức, mối quan hệ của quản trị nguồn nhân lực với các vấn đề quản trị khác trong tổ chức..</i>	
1.2.4.9	Quản lý chất lượng <i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về chất lượng và vai trò chất lượng của sản phẩm đối với sự thành công của doanh nghiệp, quản lý chất lượng cũng như tác động của nó đối với sự thành công của các tổ chức và sử dụng được một số kỹ thuật để kiểm soát và cải tiến chất lượng sản phẩm, dịch vụ, chất lượng quá trình, chất lượng hệ thống quản lý. Có khả năng lựa chọn và lập được kế hoạch triển khai một hệ thống quản lý chất lượng thích hợp cho tổ chức.</i>	3.0
1.2.4.10	Tổ chức công tác kế toán <i>Có khả năng hiểu được công tác kế toán cho một doanh nghiệp. Có khả năng hiểu và áp dụng tổ chức công tác chứng từ, hệ thống sổ kế toán, hệ thống báo cáo kế toán, kiểm tra kế toán, bộ máy kế toán và khoa học kế toán</i>	3.5
1.2.4.11	Văn hoá doanh nghiệp <i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về các bộ phận cấu thành văn hóa doanh nghiệp, cơ sở và biện pháp xây dựng văn hóa doanh nghiệp, nội dung quản lý thay đổi văn hóa doanh nghiệp Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để thực hiện xây dựng nội dung văn hóa doanh nghiệp tại một công ty.</i>	3.0
1.2.4.12	Đồ án tốt nghiệp <i>Viết một bài khoá luận tốt nghiệp trong các chuyên đề: đánh giá hiệu quả sử dụng vốn, kế toán vốn bằng tiền, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán tập hợp chi phí tính giá thành...</i>	3.0
1.2.4.13	Quan hệ kinh tế thế giới <i>Hiểu và vận dụng các kiến thức liên quan tới hoạt động ngoại thương, di chuyển vốn, lao động giữa các quốc gia, các tổ chức/hiệp hội thương mại quốc tế...</i>	3.0
1.2.4.14	Kinh tế công cộng <i>Hiểu kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò của chính phủ song song với các lý thuyết về phân phối nguồn lực một cách hiệu quả. Nghiên cứu các dạng thất bại thị trường bao gồm thất bại về tính hiệu quả trong sử dụng nguồn lực, thất bại về phân phối thu nhập, sự bất ổn mang tính chất chu kỳ của nền kinh tế cũng như vấn đề ra quyết định trong khu vực công cộng.</i>	3.0
1.2.4.15	Kỹ năng mềm 1 <i>Hiểu các kiến thức cơ bản về nguyên tắc, quy trình trong giao tiếp. Nắm được các phương pháp thuyết trình hiệu quả, sinh động, lôi cuốn. Trang bị các kỹ năng xử lý tình huống, giải quyết vấn đề trong quá trình làm việc nhóm. Qua đó ứng dụng các kiến thức đã học trong công việc và cuộc sống.</i>	3.0
1.2.4.16	Kỹ năng mềm 2 <i>Hiểu các kiến thức cơ bản về nguyên tắc, quy trình trong giao tiếp. Nắm được các phương pháp thuyết trình hiệu quả, sinh động, lôi cuốn. Trang bị các kỹ năng xử lý tình huống, giải quyết vấn đề trong quá</i>	3.0

Mã số	Nội dung	TĐNL
	<i>trình làm việc nhóm. Qua đó ứng dụng các kiến thức đã học trong công việc và cuộc sống.</i>	
1.2.4.17	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Kế toán <i>Có khả năng sử dụng thành thạo những thuật ngữ chuyên ngành về tài chính, kế toán bằng tiếng Anh</i>	3.5
1.2.4.18	Phân tích báo cáo tài chính <i>Có khả năng hiểu và sử dụng các phương pháp và các kiến thức về lĩnh vực kinh tế để đánh giá khách quan về sức mạnh tài chính của doanh nghiệp, khả năng sinh lời và triển vọng phát triển SXKD của doanh nghiệp.</i>	4.0

Thang trình độ năng lực và phân loại học tập

Thang TĐNL	PHÂN LOẠI HỌC TẬP		
	Lĩnh vực Kiến thức (Bloom, 1956)	Lĩnh vực Thái độ (Krathwohl, Bloom, Masia, 1973)	Lĩnh vực Kỹ năng (Simpson, 1972)
1. <i>Có biết hoặc trải qua</i>			1. Khả năng Nhận thức 2. Khả năng Thiết lập
2. Có thể tham gia vào và đóng góp cho	1. Khả năng Nhớ	1. Khả năng Tiếp nhận hiện tượng	3. Khả năng Làm theo hướng dẫn
3. Có thể hiểu và giải thích	2. Khả năng Hiểu	2. Khả năng Phản hồi hiện tượng	4. Thuần thực
4. Có kỹ năng thực hành hoặc triển khai trong	3. Khả năng Áp dụng 4. Khả năng Phân tích	3. Khả năng Đánh giá	5. Thành thạo kỹ năng phức tạp 6. Khả năng Thích ứng
5. Có thể dẫn dắt hoặc sáng tạo trong	5. Khả năng Tổng hợp 6. Khả năng Đánh giá	4. Khả năng Tổ chức 5. Khả năng Hành xử	7. Khả năng Sáng chế

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận các công việc trong các lĩnh vực về tài chính, kế toán, cụ thể như: Kế toán tại các loại hình doanh nghiệp, công tác tại Phòng kế hoạch tài chính ở các đơn vị hành chính sự nghiệp, ngoài ra có thể làm tại các đơn vị kiểm toán, công ty chứng khoán hoặc công ty bảo hiểm.

4. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

4.1. Khối lượng kiến thức, kỹ năng, năng lực toàn khóa:

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 121 TC (Không tính các học phần GDTC, QPAN)

- a. Khối kiến thức cơ bản: 15 TC
- b. Khối kiến thức cơ sở: 48 TC
- c. Khối kiến thức chuyên ngành: 33 TC
- d. Khối kiến thức tự chọn: 19 TC
- e. Khối kiến thức tốt nghiệp: 6TC

4.2. Khối lượng kiến thức, kỹ năng, năng lực toàn khóa

Ngành: Quản trị kinh doanh (7340101)-Chuyên ngành: Quản trị tài chính kế toán (D404)

Tổng cộng: 121 TC

Bắt buộc: 96 TC

Tự chọn tối thiểu: 19 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

<p style="text-align: center;">HỌC KỲ 1</p> <p>I. Bắt buộc: 13 TC</p> <p style="text-align: right;">Học trước</p> <ol style="list-style-type: none"> Toán chuyên đề (18125-3TC) Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC) Kinh tế vi mô (15101-3TC) Giới thiệu ngành (28238-2TC) Tài chính tiền tệ (28301-3TC) <p>II. Tự chọn</p> <ol style="list-style-type: none"> Tin học văn phòng (17102-3TC) Quan hệ kinh tế quốc tế (15640-3TC) 	<p style="text-align: center;">HỌC KỲ 2</p> <p>I. Bắt buộc: 10 TC</p> <p style="text-align: right;">Học trước</p> <ol style="list-style-type: none"> Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC) 19106 Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) 19106 Pháp luật đại cương (11401-2TC) Kinh tế vĩ mô (15102-3TC) 15101 <p>II. Tự chọn</p> <ol style="list-style-type: none"> Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC) Kinh tế công cộng (15103-3TC) Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC) Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)
<p style="text-align: center;">HỌC KỲ 3</p> <p>I. Bắt buộc: 13 TC</p> <p style="text-align: right;">Học trước</p> <ol style="list-style-type: none"> Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC) 19201 Nguyên lý thống kê (15117-2TC) 18125 Nguyên lý kế toán (28108-3TC) 28301 Thuế vụ (28307-2TC) Marketing căn bản (28210-3TC) <p>II. Tự chọn</p> <ol style="list-style-type: none"> Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC) Văn hóa doanh nghiệp (28239-3TC) 	<p style="text-align: center;">HỌC KỲ 4</p> <p>I. Bắt buộc: 12 TC</p> <p style="text-align: right;">Học trước</p> <ol style="list-style-type: none"> Toán tài chính (28309-3TC) Kế toán doanh nghiệp 1 (28119-2TC) 28108 Kinh tế lượng (15105-3TC) 18125 Quản trị học (28201-2TC) Thị trường chứng khoán (28103-2TC) 15102 <p>II. Tự chọn</p> <ol style="list-style-type: none"> Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC) Quản lý chất lượng (28221-3TC) Pháp luật KD thương mại (11445-3TC)
<p style="text-align: center;">HỌC KỲ 5</p> <p>I. Bắt buộc: 15 TC</p> <p style="text-align: right;">Học trước</p> <ol style="list-style-type: none"> Nguyên lý bảo hiểm (28327-3TC) Quản trị doanh nghiệp (28214-3TC) Kế toán quản trị (28113-3TC) 28108 Nghiệp vụ ngân hàng 1 (28342-3TC) Thực tập cơ sở ngành (28351-3TC) <p>II. Tự chọn</p> <ol style="list-style-type: none"> Anh văn chuyên ngành TCKT (28125-2TC) Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC) 	<p style="text-align: center;">HỌC KỲ 6</p> <p>I. Bắt buộc: 13 TC</p> <p style="text-align: right;">Học trước</p> <ol style="list-style-type: none"> Kế toán doanh nghiệp 2 (28129-3TC) 28119 Nghiệp vụ thuế (28312-3TC) 28307 Kế toán ngân hàng (28110-2TC) 28108 Tài chính quốc tế (28311-3TC) Kế toán trên máy tính (28106-2TC) 28108 <p>II. Tự chọn</p> <ol style="list-style-type: none"> Quản trị nhân lực (28205-3TC) PT và đầu tư chứng khoán (28315-3TC) 28103
<p style="text-align: center;">HỌC KỲ 7</p> <p>I. Bắt buộc: 16 TC</p> <p style="text-align: right;">Học trước</p> <ol style="list-style-type: none"> Quản trị tài chính (28343-5TC) 28301 Kiểm toán (28111-2TC) 28119 Thẩm định và PT tín dụng (28313-2TC) Quản lý tài chính công (28304-2TC) 28301 Kế toán hành chính sự nghiệp (28114-3TC) 28108 Thực tập chuyên ngành (28352-2TC) 	<p style="text-align: center;">HỌC KỲ 8</p> <p>I. Bắt buộc: 4 TC</p> <p style="text-align: right;">Học trước</p> <ol style="list-style-type: none"> Thực tập tốt nghiệp (28323-4TC) <p>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</p> <ol style="list-style-type: none"> Khóa luận tốt nghiệp QKT (28324-6TC) Phân tích báo cáo tài chính (28340-3TC) Tổ chức công tác kế toán (28127-3TC) 28129

5. Tuyển sinh

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam tổ chức tuyển sinh chuyên ngành Quản trị tài chính kế toán hàng năm theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Nhà trường.

6. Tổ chức giảng dạy, học tập và đánh giá

Chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ. Nhà trường tổ chức đào tạo theo năm học và học kỳ.

- Một năm học gồm 03 học kỳ: học kỳ I, II và học kỳ phụ ngoài thời gian nghỉ hè.

- Học kỳ phụ có 6 - 7 tuần bao gồm cả thời gian học và thi, dành cho sinh viên học lại, học cải thiện điểm trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc và không miễn giảm học phí. Các học phần thực tập cũng được bố trí trong học kỳ phụ.

- Học kỳ I và II có nhiều nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi là các học kỳ bắt buộc sinh viên phải đăng ký khối lượng học tập và được miễn giảm học phí theo quy định.

- Trong thời gian nghỉ hè (06 tuần), Nhà trường có thể bố trí các học phần thực tập giữa khóa, thực tập tốt nghiệp và các trường hợp đặc biệt khác.

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá theo kết quả học tập trong kỳ và kết quả thi cuối kỳ. Thực hiện đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo học kỳ và theo khóa học.

7. Cấp bằng tốt nghiệp

Sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo, đảm bảo các chuẩn đầu ra và các điều kiện cấp bằng đại học khác theo quy định được cấp bằng Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Quản trị tài chính kế toán.